

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG NỢ HỌC PHÍ
Tính đến học kỳ 2 năm học 2014-2015

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
1	Bùi Thị Hảo	5033105008	720,000	Chính sách công	CSC3
2	Phạm Thị Thu Hoài	5033105010	3,360,000	Chính sách công	CSC3
3	Nguyễn Thị Xuân Khuê	5033105017	4,230,000	Chính sách công	CSC3
4	Hoàng Trọng Nghĩa	5033105021	720,000	Chính sách công	CSC3
5	Lê Ngọc Thúy	5033105029	720,000	Chính sách công	CSC3
6	Phạm Thị Thương	5033105030	720,000	Chính sách công	CSC3
7	Phạm Thị Trang	5033105031	1,440,000	Chính sách công	CSC3
8	Đào Vũ Ngọc Anh	5033101202	1,440,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
9	Lê Quốc Hùng	5033101223	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
10	Nguyễn Tiến Khải	5033101225	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
11	Lê Thùy Linh	5033101226	3,520,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
12	Nguyễn Thế Minh	5033101230	1,200,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
13	Ngô Diên Nghĩa	5033101234	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
14	Võ Trung Nguyên	5033101235	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
15	Nguyễn Việt Nhật	5033101236	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
16	Nguyễn Thị Thanh	5033101241	1,440,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
17	Đỗ Thị Thảo	5033101243	-36,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
18	Nguyễn Thị Thảo	5033101245	-3,360,000	Kế hoạch phát triển	KHPT3
19	Tạ Hoàng Anh	5033106003	9,120,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
20	Nguyễn Anh Đức	5033106007	1,440,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
21	Trần Lê Hải	5033106011	1,920,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
22	Bùi Nam Hùng	5033106014	1,920,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
23	Phạm Thị Thùy Linh	5033106021	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
24	Trần Linh Nga	5033106026	1,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
25	Nguyễn Thị Minh Phượng	5033106033	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
26	Nguyễn Huy Toàn	5033106038	2,160,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
27	Lê Thị Ngọc Trâm	5033106083	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3A
28	Đinh Thị Vân Anh	5033106045	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3B
29	Nguyễn Khải Hoàn	5033106063	1,440,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3B
30	Nguyễn Thùy Linh	5033106071	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3B
31	Phạm Bá Minh	5033106073	1,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3B
32	Ngô Linh Trang	5033106085	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTĐN3B
33	Nguyễn Thị Minh Anh	5033101102	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
34	Nguyễn Thị Trang Anh	5033101103	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
35	Phạm Phương Anh	5033101104	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
36	Tạ Thanh Cao	5033101106	880,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
37	Nguyễn Thị Cúc	5033101107	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
38	Nguyễn Thị Diệu	5033101108	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
39	Cao Quý Dương	5033101110	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
40	Nông Quỳnh Dương	5033101111	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
41	Nguyễn Thành Độ	5033101109	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
42	Cao Thị Giang	5033101112	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
43	Đỗ Thị Hương Giang	5033101113	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
44	Phạm Thị Hà	5033101114	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
45	Phạm Thị Huyền	5033101117	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
46	Bùi Việt Hưng	5033101116	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
47	Từ Thị Tú Linh	5033101118	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
48	Vũ Thị Mỹ Linh	5033101119	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
49	Ma Hồng Lĩnh	5033101120	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
50	Hoàng Việt Long	5033101121	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
51	Đỗ Đức Mạnh	5033101122	880,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
52	Nguyễn Thị Thúy Nga	5033101123	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
53	Nguyễn Thị Ngọc	5033101124	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
54	Đoàn Thị Nguyệt	5033101125	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
55	Vũ Thị Như Oanh	5033101126	880,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
56	Chào A Phin	5033101127	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
57	Trần Thu Phương	5033101128	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
58	Nguyễn Thị Quyên	5033101129	80,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
59	Bùi Như Quỳnh	5033101130	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
60	Hoàng Thảo Quỳnh	5033101131	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
61	Bùi Ngọc Sơn	5033101132	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
62	Nguyễn Dạ Thảo	5033101133	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
63	Trần Thị Thảo	5033101134	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
64	Lê Thị Thủy Tiên	5033101136	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
65	Nguyễn Thị Trang	5033101137	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
66	Nguyễn Thị Huyền Trang	5033101139	640,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
67	Nguyễn Thu Trang	5033101138	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
68	Ngô Quốc Tuấn	5033101141	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
69	Phạm Minh Vương	5033101143	160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT3
70	Vũ Thị Hồng	5033401008	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN3
71	Đặng Tuấn Phong	5033401018	1,200,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN3
72	Nguyễn Thị Trang	5033401032	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN3
73	Nguyễn Văn Dương	5033402008	1,440,000	Tài chính công	TCC3A
74	Bùi Huy Thành Đạt	5033402004	4,720,000	Tài chính công	TCC3A
75	Triệu Thu Hà	5033402012	720,000	Tài chính công	TCC3A
76	Nguyễn Thị Hoa	5033402018	1,200,000	Tài chính công	TCC3A
77	Lê Huy Hoàng	5033402021	480,000	Tài chính công	TCC3A
78	Nguyễn Đức Hoàng	5033402022	720,000	Tài chính công	TCC3A
79	Nguyễn Văn Lai	5033402025	2,450,000	Tài chính công	TCC3A
80	Nguyễn Đức Lâm	5033402026	1,920,000	Tài chính công	TCC3A
81	Nguyễn Tùng Lâm	5033402027	4,000,000	Tài chính công	TCC3A
82	Nguyễn Thị Thái Ly	5033402031	1,440,000	Tài chính công	TCC3A
83	Đào Thị Mai Phương	5033402034	720,000	Tài chính công	TCC3A
84	Đỗ Thị Thùy Trinh	5033402042	1,200,000	Tài chính công	TCC3A
85	Vũ Thị Minh Châu	5033402047	720,000	Tài chính công	TCC3B
86	Ngô Việt Cường	5033402048	480,000	Tài chính công	TCC3B
87	Nguyễn Anh Dũng	5033402053	720,000	Tài chính công	TCC3B
88	Phạm Văn Đồng	5033402050	720,000	Tài chính công	TCC3B
89	Nguyễn Minh Đức	5033402051	1,920,000	Tài chính công	TCC3B

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
90	Trần Đức Hải	5033402057	1,440,000	Tài chính công	TCC3B
91	Phạm Thị Thuý Hằng	5033402059	720,000	Tài chính công	TCC3B
92	Đỗ Mai Hương	5033402063	720,000	Tài chính công	TCC3B
93	Đào Xuân Tiến	5033402079	1,200,000	Tài chính công	TCC3B
94	Nguyễn Thành Trung	5033402081	720,000	Tài chính công	TCC3B
Tổng cộng tất cả:			85,444,000		

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai